

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

Tên gói thầu: Mua sắm máy vi tính cho CBCNV của Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật năm 2020

Phát hành ngày: 25/9/2020

Ban hành kèm theo Quyết định: 33/QĐ-TSC ngày 25/9/2020

Bên mời thầu: Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Tùng

Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên bên mời thầu: Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật (PV Power TSC).

2. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh rút gọn (nộp báo giá) cho gói thầu *“Mua sắm máy vi tính cho CBCNV của Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật năm 2020”*. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá này.

3. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

4. Thời gian thực hiện hợp đồng: **Giao hàng thành nhiều đợt, cụ thể:**

- Đợt 1: Trong vòng 05 ngày kể từ ngày ký hợp đồng,
- Các đợt giao hàng tiếp theo: Trong vòng 05 ngày kể từ khi có công văn yêu cầu giao hàng của Bên mời thầu, đến khi giao đủ số lượng hàng theo hợp đồng đã ký kết.

5. Thời hạn hợp đồng: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

Trường hợp sau thời hạn 90 ngày, Bên mời thầu chưa có công văn yêu cầu giao hết số hàng còn lại, hai Bên sẽ tiến hành thương thảo để thống nhất đối với trường hợp ký hợp đồng sửa đổi bổ sung để gia hạn hợp đồng hoặc quyết toán thanh lý hợp đồng căn cứ nhu cầu thực tế của Bên mời thầu.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;

2. Hạch toán tài chính độc lập;

3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

6. Đã đăng ký trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Mục 3. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 02 Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 4. Thành phần báo giá

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Biểu giá theo Mẫu số 02 Chương III;
3. Các nội dung cần thiết khác:

Giá chào hàng được chào bằng đồng tiền Việt Nam.

- ✓ Có giá dự thầu cố định, không chào thầu theo nhiều mức giá hoặc có kèm điều kiện.
- ✓ Hàng hóa chào hàng phải ghi ký mã hiệu, xuất xứ rõ ràng.
- ✓ Hàng hóa chào hàng mới 100% chưa qua sử dụng, sản xuất từ năm 2019 trở về sau.
- ✓ Giá chào hàng đã bao gồm: giá trang thiết bị, thuế GTGT, chi phí vận chuyển bàn giao, chi phí lắp đặt và các chi phí khác liên quan khác đến gói thầu.

Mục 5. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian hiệu lực của báo giá là **20 ngày**, kể từ thời điểm đóng thầu.

Mục 6. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá

1. Nhà thầu phải nộp báo giá (được niêm phong) trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, thư điện tử hoặc fax về địa chỉ:

Văn phòng Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật

Tầng 14 - Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 Trung Kính, Phường Yên Hòa,

Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Số điện thoại: 024 22210.288

Fax: 024 22210.388

Email tiếp nhận báo giá: hoanghuyenanh@pvpower.vn

Thời điểm nộp không muộn hơn 16 giờ 00 ngày 30/9/2020. Các báo giá hoặc báo giá sửa đổi hoặc các tài liệu đề nghị sửa đổi báo giá (nếu có) được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

Số lượng hồ sơ chào giá phải nộp: 01 bản gốc và 02 bản chụp.

2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, bên mời thầu lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã nộp báo giá.

3. Bên mời thầu so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, bên mời thầu có thể mời nhà thầu có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 7. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong Bản yêu cầu báo giá.
2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

Mục 8. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng theo đường bưu điện, fax, email và/hoặc được đăng tải trên website www.pvpower.vn.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 01 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 9. Giải quyết kiến nghị

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Luật đấu thầu và Mục 2 Chương XII của Nghị định 63/CP.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU

Mục 1. Phạm vi yêu cầu của gói thầu

Bảng số 1. Yêu cầu cung cấp hàng hóa

Nhà thầu phải cung cấp hàng hóa theo đúng nội dung nêu tại bảng sau:

Stt	Danh mục hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Bảo hành	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu về chứng từ
1	Máy Laptop cấp Phó giám đốc/ Kế toán trưởng	Core i7 10510U , 1.8 upto 4.9Ghz, 8GB (8GBx1) DDR4 2666Mhz (còn 1 slot), 256GB SSD NVMe + 1 slot 2.5" , Intel UHD Graphics , 14" FHD Touch, Non Active Pen, Window 10,/Chuột không dây. Hãng sản xuất: Dell hoặc tương đương	Bảo hành theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất nhưng tối thiểu là 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao, tùy theo điều kiện nào có thời gian bảo hành dài hơn	Chiếc	3	CO: bản sao y của nhà nhập khẩu/phân phối hàng hóa. CQ: bản sao y của nhà nhập khẩu/phân phối hàng hóa.
2	Máy Laptop cấp Trưởng Phòng	"Intel® Core:tm: i7-10510U (1.80GHz upto 4.90GHz, 8MB), 8GB DDR4 , 256GB SSD + 1 slot 2.5"" , AMD Radeon 610 2GB GDDR5, 15.6"" FHD (1920x1080), nhận dạng vân tay , Windows10 / chuột không dây Hãng sản xuất: Dell hoặc tương đương		Chiếc	3	CO: bản sao y của nhà nhập khẩu/phân phối hàng hóa. CQ: bản sao y của nhà nhập khẩu/phân phối hàng hóa.

Stt	Danh mục hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Bảo hành	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu về chứng từ
3	Bộ máy tính bàn cấp cho Phó Trưởng Phòng/ Chuyên viên	Intel Core i5 -9400 (up to 4.1 Ghz, 9M cache) 8G RAM 2666Mhz - 1T HDD 7200rpm - WL+BT -DVDRW - Keyboard & Mouse - Win 10 Home / Hãng sản xuất: Dell hoặc tương đương	Bảo hành theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất nhưng tối thiểu là 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao, tùy theo điều kiện nào có thời gian bảo hành dài hơn	Chiếc	7	CO: bản sao y của nhà nhập khẩu/phân phối hàng hóa. CQ: bản sao y của nhà nhập khẩu/phân phối hàng hóa.
4		Màn hình LED 21.5' – full HD (1920*1080) – IPS – HDMI. VGA, Display Port, 5 cổng USB2.0 (kèm cable DP) MODE00 Hãng sản xuất: Dell hoặc tương đương		Chiếc	7	CO: bản sao y của nhà nhập khẩu/phân phối hàng hóa. CQ: bản sao y của nhà nhập khẩu/phân phối hàng hóa.
5	Máy laptop cấp cho Phó Trưởng Phòng/ Chuyên viên	Core:tm: i5-1035G1 (1.0GHz upto 3.60 GHz, 6MB), 8GB DDR4 (còn 1 slot), SSD 256 NVMe + 1 slot 2.5", Intel UHD Graphics, 14" FHD Anti-Glare, Window10/ chuột không dây Hãng sản xuất: Dell hoặc tương đương		Chiếc	2	CO: bản sao y của nhà nhập khẩu/phân phối hàng hóa. CQ: bản sao y của nhà nhập khẩu/phân phối hàng hóa.

Stt	Danh mục hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Bảo hành	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu về chứng từ
6	Máy laptop cấp cho Phó Trưởng Phòng/ Chuyên viên	Core:tm: i5-10210U (1.6GHz upto 4.20GHz, 6MB), 8GB (8GBx1) DDR4 2666MHz (Còn 1 slot) , 256GB M.2 NVME + 1 slot 2.5 " SATA, AMD Radeon:tm: 610 Graphics 2GB GDDR5, 15.6" FHD (1920*1080) Anti-Glare LED-Backlit, Windows 10 Home/ chuột không dây Hãng sản xuất: Dell hoặc tương đương	Bảo hành theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất nhưng tối thiểu là 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao, tùy theo điều kiện nào có thời gian bảo hành dài hơn	Chiếc	5	CO: bản sao y của nhà nhập khẩu/phân phối hàng hóa. CQ: bản sao y của nhà nhập khẩu/phân phối hàng hóa.
7		Core:tm: i5-1035G1 (1.00 GHz upto 3.60 GHz, 6MB),4GB DDR4(còn 1 khe), 256GB SSD + 1 slot 2.5" , GeForce(R) MX230 2GB, 15.6" FHD, Win 10 Home/ chuột không dây Hãng sản xuất: Dell hoặc tương đương		Chiếc	4	CO: bản sao y của nhà nhập khẩu/phân phối hàng hóa. CQ: bản sao y của nhà nhập khẩu/phân phối hàng hóa.

1. Phạm vi cung cấp dịch vụ

- Chi tiết phạm vi cung cấp như Yêu cầu nêu tại Bảng số 1 – Yêu cầu cung cấp.

2. Thời gian thực hiện và thời hạn hợp đồng

- Thời gian thực hiện hợp đồng: **Giao hàng thành nhiều đợt, cụ thể:**
 - o Đợt 1: Trong vòng 05 ngày kể từ ngày ký hợp đồng,
 - o Các đợt giao hàng tiếp theo: Trong vòng 05 ngày kể từ khi có công văn yêu cầu giao hàng của Bên mời thầu, đến khi giao đủ số lượng hàng theo hợp đồng đã ký kết.
- Thời hạn hợp đồng: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

Trường hợp sau thời hạn 90 ngày, Bên mời thầu chưa có công văn yêu cầu giao hết số hàng còn lại, hai Bên sẽ tiến hành thương thảo để thống nhất đối với trường hợp ký hợp đồng sửa đổi bổ sung để gia hạn hợp đồng hoặc quyết toán thanh lý hợp đồng căn cứ nhu cầu thực tế của Bên mời thầu.

3. Yêu cầu về kỹ thuật

- Chi tiết yêu cầu về kỹ thuật nêu tại Bảng số 1 – Yêu cầu cung cấp.

4. Yêu cầu về tài chính, thương mại

- Trong biểu giá, nhà thầu phải phân tích các nội dung cấu thành của giá chào theo các yêu cầu sau: giá chào đã bao gồm giá trị dịch vụ, thuế GTGT, các loại thuế và lệ phí khác, các chi phí cho dịch vụ kỹ thuật kèm theo để thực hiện gói thầu .
- Phương thức và điều kiện thanh toán: Thanh toán bằng hình thức chuyển khoản bằng đồng Việt Nam.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

1	2	3	4	5	6	7
STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá	Thành tiền (Cột 4X6)
1	Hàng hóa thứ 1					M1
2	Hàng hóa thứ 2					M2
	...					
3	Hàng hóa thứ n					Mn
Tổng cộng giá chào của hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)						M= M1+M2+..Mn

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Chương IV: DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: /

*Về việc: Mua sắm máy vi tính cho CBCNV của
Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật năm 2020*

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ vào biên bản thương thảo hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu ký ngày / /2020.

Hôm nay, ngày tháng năm 2020, chúng tôi gồm:

**BÊN A : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
– CTCP – TRUNG TÂM DỊCH VỤ KỸ THUẬT**

Địa chỉ : Tầng 14, tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.

Mã số thuế : 0102276173-009

Điện thoại : 024.2221 0288 Fax: 024.2221 0388

Đại diện là : **Ông Nguyễn Văn Tùng**

Chức vụ : Phó giám đốc

(Theo Quyết định ủy quyền số 21/QĐ-TSC ngày 17/8/2020 của Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật).

Và

BÊN B :

Địa chỉ :

Điện thoại : Fax:

Tài khoản số :

Tại ngân hàng :

Đại diện là : **Ông/Bà**

Chức vụ :

Hai bên thoả thuận ký kết Hợp đồng cung cấp hàng hoá (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng”) theo những nội dung dưới đây.

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên B đồng ý bán và Bên A đồng ý mua các loại hàng hóa theo danh mục như Phụ lục 1 đính kèm hợp đồng này.

Điều 2. Hình thức hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

Điều 3. Thời gian thực hiện hợp đồng

Hàng hoá quy định tại Phụ lục 01 sẽ được Bên B giao **thành nhiều đợt cho Bên A. Cụ thể như sau:**

- Đợt 1: Trong vòng 05 ngày kể từ ngày ký hợp đồng,
- Các đợt giao hàng tiếp theo: Trong vòng 05 ngày kể từ khi có công văn yêu cầu giao hàng của Bên mời thầu, đến khi giao đủ số lượng hàng theo hợp đồng đã ký kết.

Điều 4. Thời hạn hợp đồng: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

Trường hợp sau thời hạn 90 ngày, Bên mời thầu chưa có công văn yêu cầu giao hết số hàng còn lại, hai Bên sẽ tiến hành thương thảo để thống nhất đối với trường hợp ký hợp đồng sửa đổi bổ sung để gia hạn hợp đồng hoặc quyết toán thanh lý hợp đồng căn cứ nhu cầu thực tế của Bên mời thầu.

Điều 5. Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán

5.1. Giá hợp đồng (đã bao gồm 10% thuế GTGT):.... VNĐ

(Bằng chữ:) (Chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm)

Giá Hợp đồng tại Điều 5.1 trên đây đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí, toàn bộ các chi phí mà Bên B phải chịu để giao Hàng hóa cho Bên A tại Địa điểm giao nhận hàng và chi phí lắp đặt.

5.2 Phương thức thanh toán:

Bên A sẽ thanh toán cho Bên B tương ứng theo các đợt giao hàng. Cụ thể như sau:

5.2.1 Thanh toán lần 1:

Giá trị thanh toán là 100% giá trị của mục hàng thực tế giao nhận đợt 01 được ghi nhận tại Biên bản Bàn giao và Nghiệm thu Hàng hóa. Bên A thanh toán cho Bên B bằng hình thức chuyển khoản bằng tiền Việt Nam. Việc thanh toán sẽ được thực hiện trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày Bên A nhận được bộ chứng từ thanh toán hoàn chỉnh. Hồ sơ thanh toán bao gồm các chứng từ và tài liệu sau:

- i. Một (01) bản gốc **Công văn đề nghị thanh toán** của Bên B;

- ii. Một (01) bản gốc **Hoá đơn Tài chính** hợp pháp, hợp lệ bằng 100% giá trị của hàng hóa giao đợt 1;
 - iii. **Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa C/O** (bản sao y của nhà nhập khẩu/phân phối hàng hóa);
 - iv. **Giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất C/Q** (bản gốc hoặc bản sao y của nhà nhập khẩu/phân phối hàng hóa);
 - v. Một (01) bản gốc và hai (02) bản sao **Giấy chứng nhận trách nhiệm bảo hành** với thời gian phù hợp với từng chủng loại hàng hóa kể từ ngày nghiệm thu bàn giao hàng hóa cho Bên A, do hãng sản xuất hoặc Bên B phát hành đối với toàn bộ hàng hóa cung cấp theo hợp đồng;
 - vi. Một (01) bản gốc **Biên bản nghiệm thu và bàn giao** được đại diện của hai bên cùng ký xác nhận toàn bộ hàng hóa đã được cung cấp theo yêu cầu của Bên A tại Văn phòng Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật;
 - vii. **Bảo lãnh bảo hành** vô điều kiện không hủy ngang được phát hành bởi Ngân hàng Ngân hàng thương mại Việt Nam với giá trị bằng 5% giá trị của hàng hoá giao đợt 1 và có hiệu lực phù hợp với từng chủng loại hàng hóa và tính kể từ ngày nghiệm thu tổng thể, trường hợp ngày phát hành bảo lãnh sau ngày nghiệm thu tổng thể thì hiệu lực bảo lãnh được tính từ ngày phát hành bảo lãnh.
- 5.2.2 Thanh toán các đợt giao hàng tiếp theo:
Giá trị thanh toán là 100% giá trị của mục hàng thực tế giao nhận đợt giao hàng được ghi nhận tại Biên bản Bàn giao và Nghiệm thu Hàng hóa. Bên A thanh toán cho Bên B bằng hình thức chuyển khoản bằng tiền Việt Nam. Việc thanh toán sẽ được thực hiện trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày Bên A nhận được bộ chứng từ thanh toán hoàn chỉnh. Hồ sơ thanh toán bao gồm các chứng từ và tài liệu sau:
- i. Một (01) bản gốc **Công văn đề nghị thanh toán** của Bên B;
 - ii. Một (01) bản gốc **Hoá đơn Tài chính** hợp pháp, hợp lệ bằng 100% giá trị của hàng hóa của đợt giao hàng đó;
 - iii. **Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa C/O** (bản sao y của nhà nhập khẩu/phân phối hàng hóa);

- iv. **Giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất C/Q** (bản gốc hoặc bản sao y của nhà nhập khẩu/phân phối hàng hóa);
 - v. Một (01) bản gốc và hai (02) bản sao **Giấy chứng nhận trách nhiệm bảo hành** với thời gian phù hợp với từng chủng loại hàng hóa kể từ ngày nghiệm thu bàn giao hàng hóa cho Bên A, do hãng sản xuất hoặc Bên B phát hành đối với toàn bộ hàng hóa cung cấp theo hợp đồng;
 - vi. Một (01) bản gốc **Biên bản nghiệm thu và bàn giao** được đại diện của hai bên cùng ký xác nhận toàn bộ hàng hóa đã được cung cấp theo yêu cầu của Bên A tại Văn phòng Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật;
 - vii. **Bảo lãnh bảo hành** vô điều kiện không hủy ngang được phát hành bởi Ngân hàng thương mại Việt Nam với giá trị bằng 5% giá trị hàng hoá của đợt giao hàng và có hiệu lực phù hợp với từng chủng loại hàng hóa và tính kể từ ngày nghiệm thu tổng thể, trường hợp ngày phát hành bảo lãnh sau ngày nghiệm thu tổng thể thì hiệu lực bảo lãnh được tính từ ngày phát hành bảo lãnh..
- 5.3 **Trường hợp Bên B không cung cấp Bảo lãnh bảo hành được phát hành bởi Ngân hàng, Bên A sẽ thanh toán 95% giá trị của mục hàng thực tế được ghi nhận tại Biên bản Bàn giao và Nghiệm thu Hàng hóa của đợt giao hàng cho Bên B, Bên A sẽ giữ lại 5% giá trị còn lại của đợt thanh toán để làm giá trị bảo lãnh bảo hành. Bên A sẽ thanh toán 5% giá trị bảo lãnh bảo hành sau khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành hàng hóa theo quy định tại Điều 9 của Hợp đồng này.**

5.4 Thông tin chuyển khoản của Bên B:

- ✓ Đơn vị thụ hưởng:
- ✓ Số tài khoản :
- ✓ Tại:

5.5 Thông tin hoá đơn thuế GTGT được xuất theo tên, địa chỉ và mã số thuế như sau :

Tên đơn vị: *Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật*

Địa chỉ: *Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, 167 đường Trung Kính, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Hà Nội*

Mã số thuế: *0102276173-009*

Điều 6. Cung cấp, vận chuyển, kiểm tra, lắp đặt và thử nghiệm hàng hóa

- 6.1 Thông báo giao hàng: Bên B phải thông báo bằng văn bản cho Bên A trước ba (03) ngày về thời gian dự tính hàng hóa sẽ sẵn sàng để có thể giao cho Bên A tại Địa điểm giao nhận hàng.
- 6.2 Địa điểm giao nhận hàng hóa: Văn phòng Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật; Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.
- 6.3 Hàng hóa sẽ được giao cho Bên A tại Địa điểm giao nhận hàng theo đúng các quy định trong hợp đồng này. Sau khi việc giao nhận hàng và lắp đặt kết thúc, Biên bản bàn giao; Biên bản bàn giao và nghiệm thu được lập thành sáu (06) bản gốc, Bên A giữ bốn (04) bản, Bên B giữ hai (02) bản để xác nhận về việc giao nhận đầy đủ hàng hóa như đã đề cập tại Điều 1 của hợp đồng này và được đại diện có thẩm quyền của Bên A và Bên B ký xác nhận.
- 6.4 Bên A có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp. Bất kỳ hàng hóa nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên A có quyền từ chối không nhận hàng hóa (một phần hay toàn bộ) và Bên B phải đổi lại hàng hóa và chịu các chi phí liên quan.

Điều 7. Trách nhiệm của hai bên

- 7.1 Trách nhiệm của Bên A
 - Phối hợp chặt chẽ với Bên B trong quá trình thực hiện hợp đồng.
 - Tổ chức nghiệm thu hàng hoá sau khi Bên B kết thúc giao hàng.
 - Giám sát, kiểm tra và đôn đốc Bên B thực hiện công việc của hợp đồng. Việc Bên A giám sát kiểm tra không làm giảm nhẹ trách nhiệm của Bên B trong quá trình thực hiện hợp đồng.
 - Nghiệm thu, thanh quyết toán cho Bên B theo quy định tại Điều 5 của hợp đồng này.
 - Quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Hợp đồng này và quy định của pháp luật.
- 7.2 Trách nhiệm của Bên B
 - Thực hiện nội dung công việc như nêu trong Điều 1 của hợp đồng phải đảm bảo đúng các tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật. Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Bên A và pháp luật về chất lượng hàng hoá của mình.
 - Có trách nhiệm nộp đầy đủ hồ sơ, biên bản và các tài liệu quy định trong Điều 5 của hợp đồng này đối với các hàng hoá được cung cấp cho Bên A.
 - Cung cấp cho Bên A hoá đơn giá trị gia tăng hợp lệ do Bên B phát hành và các

- chứng từ thanh toán khác khi đề nghị thanh toán.
- Chịu mọi chi phí vận chuyển, đi lại và các chi phí phát sinh khác trong quá trình cung cấp hàng hoá cho Bên A.
 - Thanh toán cho Bên A khoản tiền phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại trong trường hợp Bên B vi phạm hợp đồng này như quy định tại Điều 8 của hợp đồng này.
 - Quyền và nghĩa vụ khác quy định tại hợp đồng này và theo qui định của pháp luật.
 - **Cung cấp đầy đủ giấy đăng ký kinh doanh và giấy tờ chứng minh tài khoản của Bên B đã được đăng ký tại cơ quan thuế cho Bên A.**
 - Cài đặt hệ điều hành và các phần mềm ứng dụng cơ bản đối với thiết bị máy tính để bàn, máy laptop sau khi bàn giao.

Điều 8. Phạt vi phạm hợp đồng

Nếu một trong hai bên vi phạm các điều khoản quy định trong hợp đồng này sẽ phải chịu mức phạt là tám phần trăm (08%) của phần giá trị hợp đồng bị vi phạm; ngoài ra, còn phải bồi thường một trăm phần trăm (100%) giá trị thiệt hại cho bên còn lại.

Điều 9. Bảo hành

9.1 Bên B phải cung cấp cho Bên A:

- Giấy chứng nhận trách nhiệm bảo hành do Bên B phát hành với thời gian bảo hành theo từng chủng loại cho hàng hóa của hợp đồng và tính từ khi hàng hóa được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.

9.2 **Bảo lãnh bảo hành bằng tiền mặt hoặc bảo lãnh được phát hành bởi Ngân hàng thương mại Việt Nam có giá trị tương đương năm phần trăm (05%) giá trị của từng đợt giao hàng được Bên A giữ lại cho đến ngày Bên B hết nghĩa vụ bảo hành.**

9.3 Phạm vi bảo hành: Toàn bộ hàng hoá Bên B cung cấp.

9.4 Nguyên tắc bảo hành: Khi phát hiện các hư hỏng thuộc phạm vi bảo hành của Bên B, Bên A gửi thông báo bằng văn bản/fax/email/điện thoại cho Bên B, trong đó nêu rõ các hư hỏng hoặc các hiện tượng hư hỏng. Trong vòng hai (02) ngày làm việc kể từ khi nhận được thông báo của Bên A, Bên B sẽ cử nhân viên đến kiểm tra hoặc hướng dẫn Bên A kiểm tra, xác định nguyên nhân hư hỏng để sửa chữa hoặc thay thế trong vòng 05 ngày làm việc đối với hàng hóa, linh kiện có sẵn tại Việt Nam và trong vòng 15 ngày làm việc đối với hàng hóa, linh kiện đặc biệt

- nhập khẩu nước ngoài kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A. Các hư hỏng trong phạm vi bảo hành sẽ được miễn phí.
- 9.5 Trong trường hợp quá 15 ngày kể từ ngày Bên A thông báo cho Bên B sự cố mà sự cố hỏng hóc của máy tính chưa khắc phục được, Bên B sẽ cho Bên A mượn thiết bị tương đương để Bên A dùng.
- 9.6 Địa điểm bảo hành: Văn phòng Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP; Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.
- 9.7 Thời hạn bảo hành: Bảo hành theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất nhưng tối thiểu là 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao, tùy theo điều kiện có thời gian bảo hành dài hơn.

Điều 10. Giải quyết tranh chấp

- 10.1 Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.
- 10.2 Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết thông qua Tòa án có thẩm quyền, luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam. Mọi chi phí liên quan do Tòa quyết định.

Điều 11. Hiệu lực hợp đồng

- 11.1 Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký kết hợp đồng và kết thúc khi hai bên thực hiện xong các nghĩa vụ và trách nhiệm được quy định **và theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng này.**
- 11.2 Thời điểm thanh lý hợp đồng: Sau khi các bên đã hoàn thành toàn bộ quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng này **hoặc theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng này.**
- 11.3 Hợp đồng này được làm thành sáu (06) bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ bốn (04) bản, Bên B giữ hai (02) bản để theo dõi và thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

PHỤ LỤC 01: DANH MỤC HÀNG HÓA VÀ BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo Hợp đồng số, ngày.../.../2020)